

Số:11/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 15 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn V, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT (Đăng ký hộ khẩu thường trú): xóm L, xã M1, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

- Bị đơn: Chị Dương Thị M2, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT (Đăng ký hộ khẩu thường trú): xóm L, xã M1, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, ngày 06 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn V, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT (Đăng ký hộ khẩu thường trú): xóm L, xã M1, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Bị đơn: Chị Dương Thị M2, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT (Đăng ký hộ khẩu thường trú): xóm L, xã M1, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

[2] Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Vũ Văn V và chị Dương Thị M2 cùng nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh V và chị M2, thỏa thuận để chị Dương Thị M2 được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Vũ Thị Ngọc B, sinh ngày 14/4/2016, đến khi cháu B trưởng thành, đủ 18 tuổi tròn; anh Vũ Văn V có quyền được thăm nom con, không ai được cản trở.

Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự cùng nhất trí thỏa thuận; chị Dương Thị M2 không yêu cầu anh Vũ Văn V thực hiện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Xác nhận, tại phiên hòa giải các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Về nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với tài sản: Anh V và chị M2 cùng xác nhận vợ chồng không vay nợ ai. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016;

Anh Vũ Văn V và chị Dương Thị M2 mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm cho việc thuận tình ly hôn; anh V tự nguyện nộp thay cho chị M2 số tiền 75.000 đồng. Tổng cộng anh V phải nộp số tiền 150.000 đồng, (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật. Nhưng được trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AB/2012/01147 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Anh V còn được hoàn lại 150.000 đồng, (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí; các đương sự đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã M1, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nông Đức Thọ